

Số: 338/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của các cơ quan, đơn vị, bao gồm các văn bản sau:

- a) Bộ luật, luật (sau đây gọi chung là luật), nghị quyết của Quốc hội.
- b) Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- c) Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.
- d) Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- đ) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- e) Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

g) Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.

h) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

i) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

k) Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

l) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

m) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

n) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

o) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Việc quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật từ nguồn vốn hỗ trợ từ các dự án, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện theo quy định, cam kết của nhà tài trợ, trường hợp không có quy định, cam kết của nhà tài trợ thì áp dụng nội dung chi, mức chi quy định tại thông tư này.

3. Đối với việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm, kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện theo các thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Điều 2. Nguyên tắc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm, được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị (bao gồm cả kinh phí xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

2. Việc bố trí kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại cơ quan, đơn

vị được thực hiện theo chương trình, kế hoạch chính thức và chương trình, kế hoạch bổ sung trong năm, bảo đảm phù hợp với tiến độ triển khai nhiệm vụ và trong phạm vi dự toán ngân sách đã được giao.

3. Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật phải đúng mục đích, theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Căn cứ tính chất, mức độ phức tạp của mỗi hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 2 thông tư này; cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

1. Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, tập hợp, rà soát đánh giá văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản, lập đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản;
3. Dịch, hiệu đính tài liệu, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và ngược lại;
4. Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật;
5. Đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của văn bản;
6. Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia (trong trường hợp cần thiết);
7. Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, văn bản góp ý;
8. Chính lý, hoàn thiện các loại đề cương, báo cáo, dự thảo văn bản.
9. Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 4. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Định mức chi có tính chất đặc thù, được bảo đảm từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được quy định cụ thể như sau:

1. Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản:
 - a) Đối với luật, pháp lệnh:

- Dự án luật, pháp lệnh mới hoặc thay thế: mức chi 4.500.000 đồng/đề cương;

- Dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 3.800.000 đồng/đề cương.

b) Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nghị định của Chính phủ:

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 3.000.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 2.300.000 đồng/đề cương.

c) Đối với quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 2.300.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.500.000 đồng/đề cương.

d) Đối với thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 1.500.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.000.000 đồng/đề cương.

đ) Đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước:

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 1.000.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 800.000 đồng/đề cương.

e) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt:

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 950.000 đồng/đề cương;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung: mức chi 650.000 đồng/đề cương.

2. Chi soạn thảo văn bản

a) Đối với luật, pháp lệnh:

Dự án luật, pháp lệnh mới hoặc thay thế: mức chi 12.000.000 đồng/dự thảo văn bản;

Dự án luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 7.500.000 đồng/dự thảo văn bản.

b) Đối với nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nghị định của Chính phủ.

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 7.500.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 4.500.000 đồng/dự thảo văn bản.

c) Đối với quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 6.000.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 4.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

d) Đối với thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 4.000.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 3.500.000 đồng/dự thảo văn bản.

đ) Đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt:

- Văn bản mới hoặc thay thế: mức chi 3.200.000 đồng/dự thảo văn bản;

- Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 2.700.000 đồng/dự thảo văn bản.

3. Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản:

a) Báo cáo tổng hợp ý kiến; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý:

- Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mới hoặc thay thế: mức chi 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: mức chi 250.000 đồng/báo cáo tổng hợp ý kiến; 350.000 đồng/báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: mức chi 150.000 đồng/báo cáo tổng hợp ý kiến; 250.000 đồng/báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý;

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 800.000 đồng/báo cáo.

b) Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo:

- Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội mới hoặc thay thế: mức chi 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: mức chi 350.000 đồng/báo cáo; Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: mức chi 200.000 đồng/báo cáo;

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 800.000 đồng/báo cáo.

c) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản:

- Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội: mức chi 8.000.000 đồng/báo cáo.

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 6.000.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

- Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trình Chính phủ do Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng: mức chi 12.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hàng năm của các bộ, ngành: mức chi 8.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề: mức chi 5.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất: mức chi 3.000.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp: mức chi 3.400.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp: mức chi 1.700.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp: mức chi 900.000 đồng/báo cáo.

4. Soạn thảo văn bản góp ý, báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản:

a) Văn bản góp ý:

- Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội mới hoặc thay thế: mức chi 1.000.000 đồng/văn bản;

- Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều: mức chi 700.000 đồng/văn bản;

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: mức chi 250.000 đồng/văn bản;

- Đối với các văn bản còn lại: mức chi 500.000 đồng/văn bản.

b) Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra:

- Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị định: mức chi 500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội: mức chi 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo nghị định, nghị quyết, nghị quyết liên tịch, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư liên tịch: mức chi 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với dự thảo thông tư, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: mức chi 500.000 đồng/báo cáo.

5. Chính lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản: mức chi 600.000 đồng/lần chỉnh lý; riêng văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân mức chi 200.000 đồng/lần chỉnh lý.

6. Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo.

a) Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật:

- Chủ trì: mức chi 150.000 đồng/người/cuộc họp;

- Các thành viên tham dự: mức chi 100.000 đồng/người/cuộc họp;

- Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: mức chi 500.000 đồng/văn bản; riêng văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân mức chi 200.000 đồng/văn bản.

b) Tham dự cuộc họp báo công bố luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành:

- Người chủ trì cuộc họp: mức chi 150.000 đồng/người/cuộc họp;

- Các thành viên tham dự: mức chi 70.000 đồng/người/cuộc họp.

7. Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu

- Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: mức chi 120.000 đồng/trang (350 từ);

- Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: mức chi 150.000 đồng/trang (350 từ);

- Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số: mức chi 100.000 đồng/trang (350 từ);

- Hiệu đính tài liệu dịch: mức chi 40.000 đồng/trang (350 từ).

- Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng 30% so với mức chi biên dịch nêu trên.

8. Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập

Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh

vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập thì mức chi 1.000.000 đồng/báo cáo.

9. Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Điều này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, gồm:

a) Đối với các khoản chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong nước, chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tọa đàm, sơ kết, tổng kết thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức các đoàn đi khảo sát ở nước ngoài thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đài thọ;

c) Đối với việc tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, điều tra xã hội học được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn ngân sách nhà nước;

d) Đối với các khoản chi lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin và các quy định hiện hành về công nghệ thông tin, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu;

đ) Chi rà soát, hệ thống hoá văn bản phục vụ trực tiếp công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

e) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 5. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện trên cơ sở các hoạt động, nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Thông tư này và được thực hiện như sau:

a) Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, định mức phân bổ kinh phí cho cơ quan chủ trì soạn thảo được thực hiện như sau:

- Bộ luật mới, thay thế: tối đa 2.000 triệu đồng/dự án.
- Bộ luật sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 1.600 triệu đồng/dự án.
- Dự án luật mới, thay thế: tối đa 1.000 triệu đồng/dự án.
- Dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều: tối đa 600 triệu đồng/dự án.
- Dự án pháp lệnh mới, thay thế: tối đa 500 triệu đồng/dự án.
- Dự án pháp lệnh sửa đổi, bổ sung: tối đa 300 triệu đồng/dự án.
- Dự án nghị quyết của Quốc hội mới, thay thế: tối đa 500 triệu đồng/dự án.
- Dự án nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung: tối đa 300 triệu đồng/dự án.

- Dự án nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội mới, thay thế: tối đa 400 triệu đồng/dự án.

- Dự án nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung: tối đa 250 triệu đồng/dự án.

b) Dự thảo nghị định của Chính phủ, định mức phân bổ kinh phí 40 triệu đồng/dự thảo văn bản có nội dung ít phức tạp, chỉ lấy ý kiến tham gia của một số bộ, ngành trung ương và 60 triệu đồng/dự thảo văn bản có nội dung phức tạp, phải lấy ý kiến tham gia của nhiều bộ, ngành trung ương, đoàn thể và địa phương. Trường hợp dự thảo nghị định phải tổ chức họp lấy ý kiến rộng rãi, nhiều lần với phạm vi rộng, thì mức phân bổ kinh phí do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo, xây dựng quyết định trong phạm vi dự toán ngân sách chi thường xuyên được giao;

c) Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: định mức phân bổ kinh phí 30 triệu đồng/dự thảo văn bản có nội dung ít phức tạp hoặc ít phải tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến và 50 triệu đồng/dự thảo văn bản có nội dung phức tạp hoặc phải tổ chức họp lấy ý kiến nhiều lần;

d) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước: định mức phân bổ kinh phí 15 triệu đồng/dự thảo văn bản có nội dung ít phức tạp, phạm vi điều chỉnh hẹp và 30 triệu đồng/dự thảo văn bản có nội dung phức tạp, phạm vi đối tượng thực hiện rộng trong toàn quốc, phải tổ chức họp lấy ý kiến nhiều lần;

đ) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt được ban hành mới hoặc thay thế:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân:
- + Cấp tỉnh: 10 triệu đồng/văn bản;

+ Cấp huyện: 8 triệu đồng/văn bản;

+ Cấp xã: 6 triệu đồng/văn bản.

- Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính- kinh tế đặc biệt: 10 triệu đồng/văn bản.

- Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung định mức phân bổ kinh phí không quá 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

2. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 6. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Việc lập dự toán, phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Thông tư này chỉ quy định nội dung đặc thù đối với kinh phí xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

a) Lập dự toán:

Hàng năm, căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được Quốc hội thông qua và chương trình được Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh, bổ sung trong năm và quy định tại Thông tư này; các Bộ, cơ quan Trung ương được giao chủ trì xây dựng dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng Dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Riêng đối với cơ quan thẩm định, thẩm tra và hoàn thiện dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Căn cứ số lượng dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua hàng năm và chương trình được Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh, bổ sung; căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, Điều 4 thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành để lập dự toán kinh phí thẩm định, thẩm tra và hoàn thiện dự án

luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Phân bổ dự toán:

Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao, các bộ, cơ quan trung ương thực hiện phân bổ dự toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc trong đó ghi rõ kinh phí xây dựng, thẩm định, thẩm tra và hoàn thiện dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được phân bổ vào kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ.

2. Việc thanh toán và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Đối với kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo phương thức khoán trên sản phẩm hoàn thành. Chứng từ thanh toán gồm:

- Quyết định hoặc văn bản phê duyệt chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền.
- Tờ trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền ban hành.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định không ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã xây dựng xong hoặc dừng lại không xây dựng tiếp; cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản được phép thanh, quyết toán phần kinh phí đã thực hiện tương ứng theo quy định về nội dung chi, mức chi tại Thông tư này trên cơ sở chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ khả năng ngân sách và tình hình thực tế; bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện cho phù hợp.

2. Các nội dung chi, mức chi tại Điều 3, Điều 4 thông tư mang tính hướng dẫn; căn cứ mức kinh phí được giao để thực hiện xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản và hoàn thiện hệ thống pháp luật quyết định thực hiện chi tiêu cho các nội dung công việc với mức chi phù hợp (thấp hơn hoặc cao hơn mức

chi quy định tại Điều 4 thông tư này) trong tổng mức kinh phí đã được giao để thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Đối với kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật năm 2017 (bao gồm cả kinh phí luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội) các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao năm 2017 để thực hiện.

Điều 8. Điều khoản thi hành

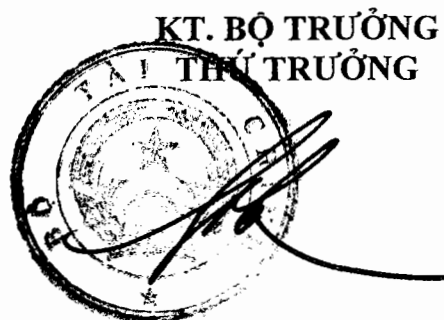
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2017.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 14/7/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận: tal

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TC, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN.



Trần Xuân Hà